TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2025.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Liêm

Bà Nguyễn Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên toà.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoàng H, sinh năm 1992. Địa chỉ: K, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: K M, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: K, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Hiện đang ở tại: E H st, C, Australia. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt được hợp pháp hoá Tổng lãnh sự quán nước Việt Nam tại Úc).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Hoàng H và anh Nguyễn Anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An vào ngày 17/7/2013. Sau khi kết hôn, tháng 7/2022, anh D đi du học tại Australia và ngày 22/11/2023 thì vợ chồng ly hôn. Tháng 6/2024, anh D về thăm gia đình và đã đăng ký kết hôn lại vào ngày 27/6/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Anh Dũng sang Australia tiếp tục học tập, còn chị

H và các con sinh sống ở Đà Nẵng. Thời gian đầu anh D còn liên lạc, sau đó cắt liên lạc với nhau. Hiện nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D.

Về con chung*:* Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Anh N, sinh ngày 13/02/2014 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày 08/09/2019. Ly hôn chị H và anh D thỏa thuận giao con chung Nguyễn Anh Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và Nguyễn Anh N cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh D tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo bản tự khai (được hợp pháp hoá của Tổng lãnh sự quán nước C tại Australia), bị đơn anh Nguyễn Anh D trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng anh D thống nhất như chị H trình bày. Chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh D cũng đồng ý.

Về con chung: Anh D và chị H có 02 con chung là Nguyễn Anh N, sinh ngày 13/02/2014 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày 08/09/2019. Anh D và chị H thỏa thuận giao cháu Nguyễn Anh Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Anh N cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh D tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Dũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Anh D hiện đang cư trú hợp pháp tại Australia và trước xuất cảnh có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị H, anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (đơn của anh H được hợp pháp của Tổng lãnh sự quán nước C tại Australia). Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Chị H và anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Hiện nay chị H đang sinh sống tại Việt Nam, anh D đang ở

nước ngoài, vợ chồng sống xa nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh D đồng ý. Vì vậy, căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh D.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 08/09/2019 và cháu Nguyễn Anh N, sinh ngày 13/02/2014. Chị H và anh D thoả thuận giao cháu Nguyễn Anh Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Anh N cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét sự thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị H thoả thuận chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 37; Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 228; Điều 273; Điều 469; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoàng H và anh Nguyễn Anh D.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Giao con chung Nguyễn Anh N, sinh ngày 13/02/2014 cho anh Nguyễn Anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Anh N đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Giao con chung Nguyễn Anh Q, sinh ngày 08/09/2019 cho chị Nguyễn Thị Hoàng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Anh Q đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hoàng H, anh Nguyễn Anh D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hoàng H và anh Nguyễn Anh D không yêu cầu Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoàng H phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007740 ngày 23/4/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Trả lại cho chị H 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Anh D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ hợp lệ; chị Nguyễn Thị Hoàng H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND p. Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh